

Bản án số: 213/2025/HC-PT

Ngày: 18-4-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thái

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Đinh Phước Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 56/2025/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 852/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 04 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Vũ Quý H**; địa chỉ: **Số G H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bị kiện:

1. **UBND thành phố N**, tỉnh Khánh Hòa;

2. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố N**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn M**, chức vụ: Phó Chủ tịch **UBND thành phố N**; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Bà **Châu Trần Thái H1** (Nhân viên) **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N**; vắng mặt

+ Ông **Nguyễn Công T** – Phụ trách **phòng K** và Thông tin đất đai – Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

+ Ông **Hà Văn H2** – Phó Trưởng phòng Bồi thường và Giải phóng mặt bằng – Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa; có mặt

+ Ông **Lâm Văn T1** – Công chức Địa chính - Xây dựng **phường V**; có mặt.

3. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh K**; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Trọng B** – Phó Chi cục trưởng **C1, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị L**; địa chỉ: **Số G H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có đơn xin xét xử vắng mặt

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông **Vũ Quý H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 21/6/2022 và quá trình tố tụng, người khởi kiện ông **Vũ Quý H** trình bày:*

Ông **Vũ Quý H** khởi kiện Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của **UBND thành phố N** về việc thu hồi đất đối với hộ ông **Vũ Quý H** và bà **Trần Thị L** đang sử dụng để thực hiện dự án Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu **sân bay N** (Sau đây viết tắt là Quyết định số 4805/QĐ-UBND), vì:

- Đất ông **H** đang ở đã được **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 2735/QĐ-UB ngày 04/9/2003 về việc phê duyệt quy hoạch chia lô tái định cư tại chỗ thuộc dự án **đường H, phường V** (Sau đây viết tắt là Quyết định số 2735/QĐ-UB). Quyết định nêu rõ, xét đề nghị và tờ trình của **UBND thành phố N** và Sở Xây dựng với mục đích quy hoạch là “*Bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa nằm trong dự án mở rộng đường H*”. Vậy, đất ở của ông **H** được quy hoạch là đất tái định cư, nghĩa là xác định đó là đất ở đô thị. Ngày 25/8/2009, **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 2035/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư **phường V, thành phố N** (Sau đây viết tắt là Quyết định số 2035/QĐ-UBND). Quyết định này do Sở Xây dựng làm tờ trình đề nghị UBND tỉnh phê duyệt; Đồ án quy hoạch này đã được công bố công khai từ ngày đó. Trong đó, đồ án quy hoạch tại vị trí giao cắt đường DT3 băng qua **H đi vào sân bay N** đã được cắm mốc lộ giới, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ. Chỉ có 04 hộ bị ảnh hưởng bởi nút giao thông này. Đất ông **H** đang ở hoàn toàn không nằm

trong quy hoạch giao thông của đồ án được phê duyệt và công bố. Cụ thể hơn, năm 2013 hộ ông **H3** ở tại **F đường H** có nhu cầu đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho phù hợp với quy hoạch được phê duyệt và công bố nêu trên. **UBND thành phố N** đã cấp lại giấy chứng nhận. Trên đó thể hiện rõ con đường vuông góc với **Hoàng D** đi vào sân bay. Từ quyết định trên có thể xác định đất ông **H** đang ở không nằm trong quy hoạch sử dụng đất để làm đường giao thông theo Luật Đất đai và là đất ở đô thị theo Luật Quy hoạch đô thị.

Quyết định số 4805/QĐ-UBND không đúng với quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 vì thu hồi đất của ông để mở nút giao thông N8 vào khu đất sân bay cũ, được UBND tỉnh giao cho **Tập đoàn P**, doanh nghiệp này lập đồ án quy hoạch, đề nghị UBND tỉnh phê duyệt, trong đó có chia lô phân nền để bán nhằm hoàn vốn cho các dự án BT. Theo quy định của pháp luật thì đây là dự án kinh doanh.

Quyết định số 4805/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 84,9m² tại **số G H, phường V, thành phố N** của ông để thực hiện dự án các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu **sân bay N** (Sau đây viết tắt là Dự án) là không đúng quy định của pháp luật.

- Quyết định số 4181/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch **UBND thành phố N** về việc giải quyết khiếu nại của ông **Vũ Quý H**; địa chỉ: **G - G H, V, thành phố N** (lần đầu) (Sau đây viết tắt là Quyết định số 4181/QĐ-UBND), căn cứ các quyết định sau để bác đơn khiếu nại: Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 06/09/2016 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt đề xuất dự án các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu **sân bay N**, Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 29/09/2016 của **UBND tỉnh K** về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông trong đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch một số khu vực thuộc **trung tâm D** và các tuyến đường, nút giao thông kết nối (Sau đây viết tắt là Quyết định số 2910/QĐ-UBND), trong đó có nút N8. Quyết định này không nhắc đến hay điều chỉnh về Quyết định số 2735/QĐ-UB và Quyết định số 2035/QĐ-UBND. Hai Quyết định này là cơ sở để khẳng định đất ông **H** đang ở được quy hoạch là đất ở tái định cư, là đất ở đô thị, không nằm trong quy hoạch sử dụng đất để làm đường giao thông. Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của **UBND thành phố N** về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của **thành phố N** (Sau đây viết tắt là Quyết định số 4073/QĐ-UBND). Đất ông **H** đang ở chưa được quy hoạch sử dụng đất để làm đường giao thông. Do đó, căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất này để thu hồi đất của ông là không đúng quy định của pháp luật.

- Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quý H, trú tại số G H, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Lần 2) (Sau đây viết tắt là Quyết định số 1937/QĐ-UBND) đã bác toàn bộ nội dung đơn của ông khiếu nại Quyết định số 4805/QĐ-UBND và công nhận Quyết định số 4181/QĐ-UBND là không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4805/QĐ-UBND, Quyết định số 4181/QĐ-UBND và Quyết định số 1937/QĐ-UBND.

Tại Công văn số 1459/UBND ngày 27/02/2024, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố N, UBND thành phố N và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp trình bày:

Thực hiện Quyết định số 2630/QĐ-UBND, Quyết định 2910/QĐ-UBND và Quyết định số 4073/QĐ-UBND thành phố N đã ban hành Thông báo số 19/TB-UBND ngày 13/01/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án (Sau đây viết tắt là Thông báo số 19/TB-UBND), Thông báo số 162/TB-UBND ngày 22/3/2017 về việc điều chỉnh Thông báo số 19/TB-UBND và Thông báo số 876/TB-UBND ngày 10/8/2017 về việc điều chỉnh diện tích và phạm vi ranh giới tại Thông báo số 19/TB-UBND (Sau đây viết tắt là Thông báo số 162/TB-UBND, Thông báo số 876/TB-UBND), tiến hành thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án, trong đó có hạng mục Nút N8.

Theo Giấy xác nhận số 1597/XN-UBND ngày 18/9/2018 của UBND phường V: Trường hợp đất bị thu hồi của ông Vũ Quý H và bà Trần Thị L đang sử dụng tại G H, phường V, thành phố N, thuộc một phần thửa đất số 192, tờ bản đồ số 5 phường V (tương ứng với một phần thửa số 02, bản đồ Trích đo địa chính số 02-2018 ngày 23/8/2018 do Trung tâm phát triển Quỹ đất Khánh Hòa lập) có nguồn gốc của ông Vũ Đức T2 (chết) và bà Trần Ngọc C được giao theo Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 04/9/2003 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt quy hoạch chia lô tái định cư đường H (Sau đây viết tắt là Quyết định số 2735/QĐ-UBND) và được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06709 ký ngày 14/12/2005 với diện tích: 368,08m², loại đất: Đất ở đô thị.

Ngày 11/4/2006, bà C tặng cho toàn bộ quyền sử dụng cho con là ông H và bà L theo Hợp đồng số 124/HĐDS và được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N chỉnh lý trong Giấy chứng nhận ngày 10/5/2006.

Ngày 15/01/2010, ông H và bà L tặng lại cho mẹ là bà Trần Ngọc C một phần đất với diện tích: 237,7m² để sử dụng (theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có chứng thực của UBND phường V).

Từ những cơ sở nêu trên, UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 4805/QĐ-UBND về việc thu hồi đất với hộ ông Vũ Quý H và bà Trần Thị L diện tích đất 84,9m² đang sử dụng để thực hiện Dự án là phù hợp quy định pháp luật, khiếu nại của ông H là không có cơ sở.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 4181/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H là đúng pháp luật.

Tại công văn số 12833/UBND ngày 05/12/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh K trình bày:

Theo Giấy xác nhận số 1597/XN-UBND ngày 18/9/2018 của UBND phường V: Trường hợp thu hồi đất của hộ ông Vũ Quý H và bà Trần Thị L đang sử dụng tại địa chỉ: Số G H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thuộc một phần thửa đất số 192, tờ bản đồ số 05 phường V (Tương ứng với một phần thửa số 02, tờ bản đồ trích đo địa chính số 02-2018 ngày 23/8/2018 do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa lập) có nguồn gốc của ông Vũ Đức T2 (chết) và bà Trần Ngọc C được giao theo Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 04/9/2003 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt quy hoạch chia lô tái định cư đường Hoàng Diệu và được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06709 ký ngày 14/12/2005 với diện tích 368,08m², loại đất ở đô thị.

Ngày 10/5/2006, bà C tặng cho toàn bộ quyền sử dụng cho con là ông H và bà L được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố N chỉnh lý trong giấy chứng nhận ngày 10/5/2006.

Ngày 15/01/2010, ông H và bà L tặng lại cho mẹ là bà Trần Ngọc C một phần diện tích 237,7m² để sử dụng (theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có chứng thực của UBND phường V). Phần diện tích còn lại, hộ ông H và bà L sử dụng.

Thực hiện Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt đề xuất Dự án; Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông trong đồ án Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) một số khu vực thuộc Khu Trung tâm đô thị Thương Mại - Dịch Vụ - Tài chính - Du lịch Đ và các tuyến đường, nút giao thông kết nối; Quyết định số 4073/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND thành phố N về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Thông báo số 19/TB-UBND; Thông báo số 162/TB-UBND ngày 22/3/2017 và Thông báo số 876/TB-UBND

về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Tiến hành thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ bị ảnh hưởng bởi Dự án, trong đó có hạng mục Nút N8.

Theo đó, một phần thửa đất có diện tích 84,9m² của hộ ông H và bà L được thu hồi tại Quyết định số 4805/QĐ-UBND để thực hiện Dự án (Hạng mục: Giao giữa đường D - đường H - N Giao N8).

Do đó, nội dung ông H khiếu nại UBND thành phố N ban hành Quyết định số 4805/QĐ-UBND là không có cơ sở.

Vì vậy, Quyết định số 1937/QĐ-UBND là đúng quy định, yêu cầu của ông H là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bác yêu cầu của ông Vũ Quý H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị L: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quý H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 62 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số: 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quý H về các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Quý H và bà Trần Thị L đang sử dụng để thực hiện dự án Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu sân bay N;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 4181/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quý H; địa chỉ: G - G H, phường V, thành phố N (lần đầu);

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quý H, trú tại số G H, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Lần 2).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 30/8/2024 người khởi kiện là ông Vũ Quý H có đơn kháng cáo, với nội dung: đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 21/6/2022, ông Vũ Quý H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 4805/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Quý H và bà Trần Thị L đang sử dụng để thực hiện dự án Các tuyến đường, các nút giao thông kết nối khu sân bay N; hủy Quyết định số 4181/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); hủy Quyết định số 1937/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại (Lần 2). Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[1.3]. Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về hành vi hành chính liên quan, về tư cách những người tham gia tố tụng

trong vụ án đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ và trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của người khởi kiện là ông **Vũ Quý H** thì thấy:

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 4805/QĐ-UBND, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 06/9/2016, **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 2630/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề xuất Dự án. Ngày 29/9/2016, **UBND tỉnh K** ban hành Quyết định số 2910/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch giao thông trong đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) một số khu vực thuộc Khu **trung tâm Đ** và các tuyến đường, nút giao kết nối. Ngày 13/12/2016, **Hội đồng nhân dân tỉnh K** ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngày 13/01/2017, **UBND thành phố N** ban hành Thông báo số 19/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Ngày 10/3/2017, **UBND thành phố N** ban hành Thông báo số 162/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo số 19/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Ngày 10/8/2017, **UBND thành phố N** ban hành Thông báo số 876/TB-UBND về việc điều chỉnh diện tích và phạm vi ranh giới thu hồi đất tại Thông báo số 19/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Trước khi ban hành quyết định thu hồi đất, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tiến hành việc khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Hộ ông **Vũ Quý H** và bà **Trần Thị L** đang sử dụng 84,9m² đất tại **số G H, phường V, thành phố N**, thuộc một phần thửa số 192, tờ bản đồ số 5 **phường V** (tương ứng với một phần thửa số 02, tờ bản đồ Trích đo địa chính số 211-2017 do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Khánh Hòa lập và được **Sở T** duyệt ngày 24/10/2017 và Bản đồ Trích đo địa chính lập số 02-2018 ngày 23/8/2018 do **Trung tâm P1** lập) bị ảnh hưởng bởi Dự án. Ngày 28/12/2018, **UBND thành phố N** ban hành Quyết định số 4805/QĐ-UBND về việc thu hồi 84,9m² đất đối với hộ ông **Vũ Quý H** và bà **Trần Thị L** đang sử dụng để thực hiện Dự án là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; với mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông **Vũ Quý H** về hủy Quyết định số 4805/QĐ-UBND.

[2.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 4181/QĐ-UBND và Quyết định số 1937/QĐ-UBND. Như đã phân tích và nhận định định trên, Quyết định số 4805/QĐ-UBND là có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy, Quyết định số 4181/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố N và Quyết định số 1937/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh K bác toàn bộ khiếu nại của ông Vũ Quý H là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quý H và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Quý H là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do người khởi kiện là ông Vũ Quý H bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện ông Vũ Quý H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Quý H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2024/HC-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12 khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Quý H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Thái